

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BGI  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2021/HS-ST  
Ngày 19 tháng 11 năm 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BGI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Đình Hưng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lan.

2. Bà Nguyễn Thị Biên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BGI tham gia phiên tòa:***

Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BGI xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 179/2021/HSST ngày 13 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2021/QĐST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Phú C1**, sinh năm 1976; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn GiT A, xã KS, huyện GiL, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Họ và tên bố: Ông Nguyễn Phú L1 (đã chết); Họ và tên mẹ: Đinh Thị S1, sinh năm 1942 trú tại Thôn GiT A, xã KS, huyện GiL, thành phố Hà Nội; Gia đình có 02 anh em, bản thân là thứ hai; Họ và tên vợ: Phạm Thị H1, sinh năm 1977 trú tại thôn GiT A, xã KS, huyện GiL, thành phố Hà Nội; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 23/4/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang,

(Có mặt tại phiên tòa).

\* *Bị hại:* Chị Chu Thị Minh Đức H2, sinh năm 1973, (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: Số nhà 46, đường LThT , phường TrPh , thành phố BGi , tỉnh Bắc Giang.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Phùng Đắc Ph1 , sinh năm 1960, (Vắng mặt).

ĐKHKT: Xã DX , huyện GiL , thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: Thôn KH , xã LCh , huyện GiL , thành phố Hà Nội.

2. Anh Phùng Đắc H3 , sinh năm 1986, (Vắng mặt).

ĐKHKT: Xã DX , huyện GiL , thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: Thôn ChĐ , xã LCh , huyện GiL , thành phố Hà Nội.

3. Chị Phạm Thị H1 , sinh năm 1977, (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn GiT A, xã KS , huyện GiL , thành phố Hà Nội.

*\* Người làm chứng:*

1. Ông Phùng Đắc Ph1 , sinh năm 1960 , (Vắng mặt).

ĐKHKT: Xã DX , huyện GiL , thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: Thôn KH , xã LCh , huyện GiL , thành phố Hà Nội.

2. Ông Dương Văn H4 , sinh năm 1976, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn GiT A, xã KS , huyện GiL , thành phố Hà Nội.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Phú C1 , sinh năm 1976, trú tại thôn GiT A, xã KS , huyện GiL , thành phố Hà Nội có mối quan hệ xã hội với Phùng Đắc Ph1 , sinh năm 1960, nơi ĐKHKT: xã DX , huyện GiL , thành phố Hà Nội, chỗ ở tại thôn KH , xã Lê Chi, huyện GiL , thành phố Hà Nội. Tháng 4/2013, C1 và Ph1 góp vốn thành lập Công ty TNHH thương mại Nam Đường, địa chỉ thôn GiT , xã KS , huyện GiL , thành phố Hà Nội, C1 là giám đốc và đại diện theo pháp luật của công ty. Khoảng tháng 5/2013, C1 đặt vấn đề vay tiền Ph1 để trả nợ cho khoản vay cá nhân 500.000.000 đồng với Ngân hàng. Ph1 giới thiệu cho C1 vay tiền của chị Chu Thị Minh Đức H2 , sinh năm 1973 trú tại số nhà 46, đường LThT , phường TrPh , thành phố BGi , C1 đồng ý. Theo lời khai của C1 thì Ph1 nói muốn vay được tiền của chị H2 thì phải có sổ đỏ thế chấp, Ph1 đưa cho C1 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Phùng Đắc H3 (con của Ph1), sinh năm 1986, trú tại thôn DĐ, xã DX , huyện GiL , thành phố Hà Nội; và bảo C1 mang đi in phun màu để làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên rồi mang đi thế chấp cho chị H2 vay tiền. C1 mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đi làm giả bằng

phương pháp in phun màu tại một cửa hàng photocopy ở khu vực cổng chùa D, thôn KhT, xã ThKh, huyện ThTh, tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 28/5/2013, C1 cùng với Phùng Đắc Ph1, anh Dương Văn H4, sinh năm 1976 ở cùng thôn với C1 và một người phụ nữ tên Tr1 đến thành phố BGi gặp chị H2 tại một quán cà phê trên đường LL, thành phố BGi (C1 không nhớ địa chỉ cụ thể). Tại đây C1 đặt vấn đề vay của chị H2 số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 07/6/2013. Chị H2 đồng ý và yêu cầu phải có tài sản thế chấp. C1 đưa cho chị H2 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả mang tên Phùng Đắc H3 (có số CMTND **012634626**) (thửa đất số **24**, tờ bản đồ số 02 diện tích 307,9m<sup>2</sup> tại thôn ChĐ, xã LCh, huyện GiL, thành phố Hà Nội, số cấp sổ **BM 617216**, số vào sổ CH06454/3310/QĐ- UBND được UBND huyện GiL cấp ngày **12/12/2012**); một sổ hộ khẩu gốc của C1 và một CMND phô tô mang tên C1. Chị H2 không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do C1 đưa là giả nên đã cho C1 vay số tiền 300.000.000 đồng, C1 viết giấy biên nhận vay tiền cho chị H2, thỏa thuận miệng trả lãi 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày, cắt lãi trước 12.000.000 đồng. Sau khi vay được tiền, C1 mang trả ngân hàng hết 288.000.000 đồng, tất toán xong khoản vay tại ngân hàng vào ngày 19/7/2013.

Đến thời hạn nhưng không thấy C1 trả tiền nên chị H2 đến nhà C1 đòi nợ nhiều lần, C1 viết giấy khất nợ đề ngày 23/6/2013 nhưng không trả được. Ngày 09/12/2014, C1 đặt vấn đề bán thửa đất có địa chỉ ở thôn GiT để trừ nợ nhưng chị H2 không đồng ý. Đến tháng 5/2017, C1 và vợ là Phạm Thị H1 đã trả cho chị H2 số tiền 50.000.000 đồng và đến cuối năm 2019, trả tiếp cho chị H2 số tiền 20.000.000 đồng. Tháng 08/2020, C1 và vợ chuyển vào Nam và cư trú tại tổ dân phố ĐK, thị trấn LD, huyện LD, tỉnh Lâm Đồng nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 12/5/2016 và ngày 04/9/2020 chị Chu Thị Minh Đức H2 có đơn tố giác gửi đến Công an thành phố BGi và giao nộp cho cơ quan điều tra: 01 “Giấy biên nhận vay tiền, đề ngày 28/5/2013”; “Giấy biên nhận khất nợ, đề ngày 23/6/2013”; “Giấy vay tiền, đề ngày 05/1/2014” và một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giấy sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Phùng Đắc H3 (ký hiệu giám định lần lượt A1, A2, A3, A). Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định đối với những tài liệu chị H2 giao nộp.

Tại Bản kết luận giám định số 217/KL-KTHS ngày 02/02/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận:

“- Hình dấu có nội dung “Ủy ban nhân huyện GiL TP Hà Nội” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Huy Việt trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu”.

Tại Bản kết luận giám định số 218/KL-KTHS ngày 02/02/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: “Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Phú C1 trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3) so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Phú C1 dưới các mục “Người yêu cầu”, “Người khai” trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M8) *là do cùng một người ký, viết ra*”.

Ngày 22/4/2021, Nguyễn Phú C1 đến Công an thành phố BGi đầu thú, giao nộp 01 điện thoại di động Kyocera màu trắng, số IMEI 351953093668080 đã qua sử dụng, 01 thẻ căn cước công dân số 001076023433 mang tên Nguyễn Phú C1 .

Tại cơ quan điều tra, ông Phùng Đắc Ph1 khai có chứng kiến việc chị H2 và anh C1 giao dịch gì đó với nhau với nội dung như thế nào thì ông không biết vì không để ý, nhưng có nhìn thấy C1 viết giấy theo nội dung chị H2 hướng dẫn. Ngay sau đó, Ông Ph1 nhìn thấy rõ C1 đưa cho chị H2 01 tờ giấy viết tay mà C1 vừa tự viết, một sổ hộ khẩu gia đình màu xanh, một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất màu hồng và 01 chứng minh thư nhân dân bản photo, chị H2 đưa lại cho anh C1 một túi ni lon màu xanh bên ngoài có chữ BIDV bên trong có đồ vật gì ông không rõ. Ông Ph1 không giới thiệu cho C1 vay tiền của chị H2 , không đưa và cũng không bảo C1 mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông mang đi scan để làm giả sau đó thế chấp vay tiền của chị H2 . Cơ quan điều tra đã cho Ông Ph1 đối chất với C1 và chị H2 , các bên giữ nguyên lời khai nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xử lý đối với Phùng Đắc Ph1 về hành vi đồng phạm với Nguyễn Phú C1 .

Anh Phùng Đắc H3 là con trai Ông Ph1 trình bày: Ngày 08/11/2012, Anh H3 nhận chuyển nhượng diện tích 307,9m<sup>2</sup> đất trong tổng số 359m<sup>2</sup> tại thửa số 24, tờ bản đồ số 02 có địa chỉ: thôn ChĐ , xã LCh , huyện GiL thành phố Hà Nội mang tên hộ gia đình anh Nguyễn Văn Trung, sinh năm 1971 trú tại thôn ChĐ , xã LCh , huyện GiL , thành phố Hà Nội và đã được UBND huyện GiL cấp giấy chứng nhận. Ngày **14/12/2012**, anh Phùng Đắc H3 (CMTND **012694034**) được UBND huyện GiL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số **BM 908217** vào sổ cấp GCN: CH 06454/3310/QĐ-UBND, thửa số **24(2)-1** tại thôn ChĐ , xã LCh , huyện GiL . Quá trình sử dụng Anh H3 không cho ai mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Đến ngày 04/11/2013, Anh H3 thế chấp và vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ

phần đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Thành Đô tại Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội.

Về việc Nguyễn Phú C1 khai vay tiền của chị H2 với lãi suất thỏa thuận 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày, chị H2 không thừa nhận nội dung trên. Cơ quan điều tra đã cho chị H2 và C1 đối chất, các bên giữ nguyên lời khai nên không đủ căn cứ chứng minh chị H2 có hành vi cho vay lãi nặng.

Đối với hành vi của Nguyễn Phú C1 làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất mang tên Phùng Đức Hòa đã cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 nhưng do hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Dương Văn H4 là lái xe đi cùng C1 đến thành phố BGi và là người ký chứng kiến trong giấy vay tiền nhưng không biết mục đích của C1 nhằm chiếm đoạt tài sản nên anh H4 không vi phạm pháp luật. Đối với Tr1 là người cùng ký chứng kiến trong giấy vay tiền nhưng C1, Ph1 và anh H4 không nhớ địa chỉ cụ thể của chị Tr1 nên cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ.

Về vật chứng và tài sản thu giữ, Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Chị H2 yêu cầu C1 trả số tiền gốc 230.000.000 đồng và 265.338.000 đồng tiền lãi.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Phú C1 đã khai nhận hành vi phạm tội.

Cáo trạng số 178/CT-VKS ngày 11/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BGi truy tố bị cáo Nguyễn Phú C1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng đã nêu. Đối với yêu cầu của chị H2 về việc yêu cầu bị cáo trả số tiền gốc 230.000.000 đồng thì bị cáo đồng ý. Đối với số tiền lãi thì bị cáo không đồng ý vì tại giấy vay nợ giữa bị cáo và chị H2 không có thỏa thuận gì về lãi suất. Tại cơ quan điều tra tiến hành hỏi cung bị cáo điều tra viên có hỏi bị cáo có ý kiến gì về yêu cầu tính lãi suất của chị H2 thì bị cáo có đồng ý do điều tra viên mớm cung: “cứ đồng ý rồi ra phiên tòa xin chị H2”. Đối với diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo thì bị cáo khai hoàn toàn tự nguyện và không bị mớm cung. Việc bị cáo bị mớm cung không có ai chứng kiến, không có tài liệu chứng cứ gì để cung cấp cho Hội đồng xét xử.

Chị Chu Thị Minh Đức H2 là bị hại trình bày tại phiên tòa: Chị giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra. Chị yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền gốc còn lại là 230.000.000 đồng. Đối với phần yêu cầu lãi suất đối với số tiền 230.000.000 đồng chị đề nghị Hội đồng xét xử tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi chị có căn cứ chứng minh về phần thiệt hại.

Chị Phạm Thị H1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày tại phiên tòa: Chị không biết hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Phú C1 (chồng chị Hoa). Trong số tiền 70.000.000 đồng mà Bị cáo C1 và chị đã trả cho chị H2 là tiền của hai vợ chồng chị và số tiền 13.200.000 đồng chị nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BGi để khắc Ph1 hậu quả cho Bị cáo C1 thì chị không yêu cầu Bị cáo C1 phải hoàn trả lại cho chị.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đều không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phú C1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm p, b khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú C1 từ 08 (Tám) năm đến 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo ngày 23/4/2021. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Phú C1 .

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 216.800.000 đồng.

Đối với phần yêu cầu lãi suất đối với số tiền 230.000.000 đồng: Chị H2 tại phiên tòa có đề nghị Hội đồng xét xử tách ra để giải quyết bằng vụ án khác. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự tách yêu cầu lãi suất để giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho Bị cáo C1 :

+ 01 điện thoại di động Kyocera màu trắng, số Imei 351953093668080 đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản gốc) mang tên Nguyễn Phú C1 .

+ 01 thẻ căn cước công dân số 001076023433 mang tên Nguyễn Phú C1 .

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát.

Bị hại: Cho rằng Viện kiểm sát nhân dân thành phố BGi đề nghị mức hình phạt là nhẹ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa: Không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, cảm thấy rất hối hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong hồ sơ tại bút lục số 316 và tại phiên tòa bị cáo có cho rằng bị cáo bị mớm cung về số tiền lãi. Bị cáo cho rằng trong giấy vay tiền giữa bị cáo và chị H2 không thể hiện có tính lãi suất. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo khai việc bị cáo bị mớm cung bị cáo không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do vậy, lời khai của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bị cáo là không có căn cứ. Như vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố BGi, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố BGi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của những người này nên căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt họ.

[3] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 28/5/2013, Nguyễn Phú C1 đã sử dụng giấy tờ giả là 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất mang tên anh Phùng Đắc Hòa, sinh năm 1986, trú tại thôn Dương Đá, xã DX, huyện GiL, thành phố Hà Nội (thửa đất số 24, tờ bản đồ số 02 diện tích 307,9m<sup>2</sup> tại

thôn ChĐ , xã LCh , huyện GiL , thành phố Hà Nội, số cấp sổ BM 617216, số vào sổ CH06454/3310/QĐ- UBND được UBND huyện GiL cấp ngày 12/12/2012) để thế chấp vay tiền, chiếm đoạt của chị Chu Thị Minh Đức H2 , sinh năm 1973 trú tại số nhà 46, đường LThT , phường TrPh , thành phố BGi số tiền 300.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BGi truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ.

[4] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra có như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[5] Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Trước khi bị xét xử ngày hôm nay, bị cáo chưa bị Tòa án nào xét xử về tội gì bằng bản án có hiệu lực pháp luật, chưa bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào xử lý hành chính.

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú. Số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là 300.000.000 đồng, bị cáo đã khắc Ph1 được 70.000.000 đồng, trong thời gian chuẩn bị xét xử gia đình bị cáo đã nộp số tiền 13.200.000 đồng vào Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BGi để khắc Ph1 một phần hậu quả cho bị cáo. Vậy, tổng số tiền bị cáo đã khắc Ph1 cho bị hại là 83.200.000 đồng. Số tiền bị cáo đã khắc Ph1 cho bị hại là nhỏ so với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại nên chỉ áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi năm 2017 cho bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[7] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Với tính chất hành vi phạm tội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy cần xử bị cáo cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo thành người công dân tốt, có ích và biết tuân thủ pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, lẽ ra cần áp dụng khoản 5 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, phạt bổ



sung bằng tiền đối với bị cáo để sung ngân sách Nhà nước. Nhưng xét thấy bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo thành người lương thiện.

[9] Về trách nhiệm dân sự trong vụ án:

Đối với số tiền 300.000.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại: Bị cáo đã khắc Ph1 được cho bị hại số tiền 70.000.000 đồng trong quá trình điều tra. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, gia đình bị cáo đã nộp số tiền 13.200.000 đồng vào Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BGi theo Biên lai thu số 0000554 ngày 09/11/2021 để khắc Ph1 hậu quả cho bị cáo. Vậy tổng số tiền bị cáo đã khắc Ph1 cho bị hại là 83.200.000 đồng. Nên căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi năm 2017 và Điều 579, Điều 580 của Bộ luật dân sự cần buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho chị H2 số tiền là (300.000.000 đồng - 83.200.000 đồng) = 216.800.000 đồng như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BGi là phù hợp.

Đối với số tiền 13.200.000 đồng: Gia đình bị cáo nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BGi theo Biên lai thu số 0000554 ngày 09/11/2021 để khắc Ph1 một phần hậu quả cho bị hại nên chị H2 được nhận số tiền trên.

Đối với yêu cầu bồi thường số tiền lãi của bị hại: Tại phiên tòa, chị H2 đề nghị tách phần yêu cầu trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu tách phần yêu cầu bồi thường số tiền lãi của bị hại phù hợp với quy định tại Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự nên cần chấp nhận. Chị H2 có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[10] Về vật chứng của vụ án:

+ 01 điện thoại di động Kyocera màu trắng, số Imei 351953093668080 đã qua sử dụng.

+ 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản gốc) mang tên Nguyễn Phú C1 .

+ 01 thẻ căn cước công dân số 001076023433 mang tên Nguyễn Phú C1 .

Các vật chứng trên là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Phú C1 nhưng tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Kyocera màu trắng, số Imei 351953093668080 đã qua sử dụng để đảm bảo thi hành án.

[11] Về những vấn đề khác trong vụ án:

Cơ quan điều tra đã triệu tập Phùng Đắc Ph1 để làm rõ việc Ph1 giới thiệu cho C1 vay tiền của chị H2 và việc đưa sổ đỏ mang tên Phùng Đắc Hòa, sinh năm 1986, trú tại xã DX , huyện GiL , thành phố Hà Nội cho C1 và bảo C1 mang sổ đỏ đi làm giả thế chấp cho chị H2 để vay tiền nhưng Ph1 không thừa nhận nội dung nêu trên. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa C1 và Ph1

nhưng các bên giữ nguyên lời khai của mình. Ngoài lời khai của C1 không còn tài liệu, chứng cứ nào khác phản ánh việc Ph1 giao sổ bì đỏ mang tên con trai Phùng Đắc H3 cho C1 để C1 đi làm giả sổ bì đỏ khác để thế chấp vay tiền của chị H2 nên không có căn cứ xử lý Phùng Đắc Ph1 đồng phạm với C1 về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Về việc Nguyễn Phú C1 khai vay tiền của chị H2 với lãi suất thỏa thuận 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày, chị H2 không thừa nhận nội dung trên. Cơ quan điều tra đã cho chị H2 và C1 đối chất, các bên giữ nguyên lời khai nên không đủ căn cứ chứng minh chị H2 có hành vi cho vay lãi nặng.

Đối với hành vi của Nguyễn Phú C1 làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất mang tên Phùng Đức Hòa đã cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 nhưng do hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Dương Văn H4 là lái xe đi cùng C1 đến thành phố BGi và là người ký chứng kiến trong giấy vay tiền nhưng không biết mục đích của C1 nhằm chiếm đoạt tài sản nên anh H4 không vi phạm pháp luật. Đối với Trang là người cùng ký chứng kiến trong giấy vay tiền nhưng C1, Ph1 và anh H4 không nhớ địa chỉ cụ thể của chị Tr1 nên cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, cần tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án và áp dụng các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi năm 2017;

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi năm 2017; Điều 579; Điều 580 của Bộ luật dân sự; Điều 30; khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 292; Điều 293; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử:

1.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú C1 09 (Chín) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 23/4/2021.

1.2. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Phú C1 phải tiếp tục bồi thường cho chị Chu Thị Minh Đức H2 số tiền: 216.800.000 đồng.

Chị Chu Thị Minh Đức H2 được nhận số tiền 13.200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BGi theo Biên lai thu số 0000554 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BGi .

3. Về vật chứng:

Trả lại cho Bị cáo C1 :

+ 01 điện thoại di động Kyocera màu trắng, số Imei 351953093668080 đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản gốc) mang tên Nguyễn Phú C1 .

+ 01 thẻ căn cước công dân số 001076023433 mang tên Nguyễn Phú C1 .

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Phú C1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 10.840.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

6. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND TP BGi;
- VKS tỉnh Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Công an Thành phố BGi ;
- Chi cục THADS TP. BGi;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Ủy ban nhân dân xã KS , huyện GiL , thành phố Hà Nội.
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỘNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Dương Đình Hưng**